

Số: 89/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 04 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị PTTH**, sinh năm 1988; CCCD số: 001***953; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ 3, phường TB, quận LB (nay là tổ 3, phường LB), thành phố H.

Bị đơn: **Anh PĐA**, sinh năm 1986; CCCD số: 024****153; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ 3, phường TB, quận LB (nay là tổ 3, phường LB), thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị PTTH, sinh năm 1988 và anh PĐA, sinh năm 1986.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị PTTH và anh PĐA, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị H và anh ĐA cùng xác định anh chị có 03 con chung là cháu PĐBP, sinh ngày 21/9/2008; cháu PĐHP, sinh ngày 08/6/2010 và cháu PĐDP, sinh ngày 03/4/2014. Ngoài ra, chị H và anh ĐA không có con chung nào khác, không có con riêng.

Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao cháu P, cháu P1 và cháu P2 cho chị H là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; về cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh ĐA đến khi cháu P, cháu P1, cháu P2 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H và anh ĐA không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0001817 ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H, Phòng Thi hành án dân sự số 5. Hoàn trả chị H 150.000 đồng còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự thành phố H;
- UBND phường LB, tp H (GCNKH số 109 ngày 19/11/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc